TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TT** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Số: 04/2021/DS-ST
Ngày: 26/02/2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT – TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Tài;
2. Ông Hồ Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chau Chanh Đô Ra - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 26 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 173/2020/TLST-DS, ngày 14 tháng 12 năm 2020 về: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXX- DS ngày 18 tháng 01 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP SGTT; địa chỉ: 266- 258 NKKN, phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. *Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.*

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh S – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh An Giang; địa chỉ: Số 333, Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Văn bản ủy quyền số 1186/2020/UQ-PL ngày 07/5/2020 của Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền cho ông Trần Minh S là ông Lê Minh T – Chức vụ: Phó phòng Giao dịch TT - Chi nhánh An Giang. Văn bản ủy ngày 23/10/2020 của Giám đốc chi nhánh An Giang.

Bị đơn: Bà Mai Thị N, sinh năm: 1977; địa chỉ: Tổ 03, ấp TT, xã TĐ, huyện TT, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa, có mặt ông T; vắng mặt bà N)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/10/2020 với các tài liệu kèm theo cũng như quá trình tố tụng tại tòa, ông Lê Minh T – đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng TMCP SGTT trình bày:

Ngày 06/4/2019 bà Mai Thị N có ký hợp đồng tín dụng số LD 1909600280 vay của Ngân hàng TMCP SGTT – Chi nhánh An Giang (gọi tắt là Ngân hàng TT) số tiền 70.000.000 đồng; mục đích vay: Tiêu dùng nhanh; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất vay 21%/năm; trã lãi hàng tháng; hình thức vay tín chấp.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà N thanh toán đến tháng 9/2019 được số tiền vốn 20.798.133 đồng và lãi suất tương ứng rồi ngưng đến nay. Nhiều lần trực tiếp đến nhắc nhỡ bà N không thực hiện, hiện bà N cùng gia đình bỏ địa phương đi, Ngân hàng có liên lạc nhưng không được.

Nay vốn còn lại 55.500.000 đồng và lãi tính đến ngày 12/10/2020 số tiền 17.807.410 đồng. Tổng cộng 73.307.410 đồng, Ngân hàng yêu cầu bà N phải thanh toán ngay cùng với lãi phát sinh đến khi xét xử.

Bị đơn bà Mai Thị N đã được thông báo hợp lệ tham dự phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng vắng mặt, không lý do.

Tại phiên tòa, ông Tân bảo lưu ý kiến của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục: Bà N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa, nhưng vắng mặt không lý do, do đó HĐXX vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp đương sự vắng mặt, theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thời hiệu – thẩm quyền: Bà N ký kết vay tiền của Ngân hàng TT vào 04/6/2019, thực hiện đến tháng 9/2019 thì ngưng, mặc dù Ngân hàng nhắc nhỡ nhiều lần nhưng bà N không trả, nên ngày 23/10/2020 Ngân hàng TT khởi kiện là còn trong thời hiệu theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự; bà N có nơi trú, làm việc tại xã TĐ, huyện TT, nên Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung: Căn cứ hợp đồng tín dụng số LD 1909600280 ngày 04/6/2019, theo đó: Bà N vay của Ngân hàng Thương Tín 70.000.000 đồng; hình thức vay tín chấp, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 21%/năm, phương thức thanh toán vào ngày 20 hàng tháng, với tiền vốn 2.900.000 đồng cùng với suất tương ứng, Ngân hàng TT khởi kiện bà Năm là có căn cứ.

Đối với khoản tiền vốn còn lại, theo đại diện Ngân hàng trình bày bà N còn nợ vốn số tiền là 55.500.000 đồng, cùng lãi suất tương ứng tính từ tháng 9/2019, bà N không ý kiến phản bác nên được xem khởi kiện của Ngân hàng SGTT có cơ sở.

Theo bảng chiết tính về lãi suất mà đại diện Ngân hàng cung cấp tại phiên tòa thì đến nay (26/02/2021) bà N còn nợ Ngân hàng TT 80.995.313 đồng. Trong đó, vốn 55. 500.000 đồng, lãi 25.495.313 đồng. Xét lãi suất Ngân hàng TT tính là phù hợp với hợp đồng tín dụng mà hai bên tham gia ký kết, nên HĐXX chấp nhận. Như vậy tổng cộng nợ vốn và lãi bà Năm phải thanh toán cho Ngân hàng TT 80.995.313 đồng là phù hợp, HĐXX nghĩ nên chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng TT được chấp nhận, nên Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp. Đối với bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP SGTT Việt Nam - Chi nhánh An Giang.

Buộc bà Mai Thị N phải trả cho Ngân hàng TMCP SGTT - Chi nhánh An Giang 80.995.313 đồng.

Kể từ ngày 27/02/2021, bà N còn phải chịu lãi trên phần vốn gốc, theo lãi suất Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP SGTT với bà Mai Thị N ký kết, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí: Bà Mai Thị N phải chịu 4.049.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT hoàn trả cho Ngân hàng TMCP SGTT - Chi nhánh An Giang 1.833.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000587 ngày 16/11/2020.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/02/2021), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAT;
- VKS huyện;
- THADS để thi hành.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Vp.

Lê Văn Huệ